TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số:26/2022/HS-ST
Ngày: 05-8-2022

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN Đ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê T1 Dũng.

Các hội thẩm N dân: Ông Nông Văn Điển – Bà Nguyễn Thị Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Kiều Oanh – Thư ký của Tòa án án N dân huyện Đ – Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đ – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST – HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo Trần Hữu P, giới tính: Nam, tên gọi khác: không. Sinh ngày: 11/10/1991 tại Lâm Đồng. ĐKHKTT (chỗ ở): Thôn 2, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Lao động tư do. Trình độ văn hóa: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Trần Hữu Đức, sinh năm 1966, con bà: Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1966. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến 09/02/2022. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn 2, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện bị cáo đang được tại ngoại.“*Có mặt*”.

2. Bị cáo Đỗ Nhật P1, Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01/02/1983, tại: Quảng Trị. Đăng ký HKTT (Chỗ ở): Thôn 1, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Thợ xây. Trình độ văn hóa: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Đỗ T1 Dũng, sinh năm: 1955, con bà: Nguyễn Thị Hường, sinh năm: 1957. Vợ: Lê Thị Ái Tình, sinh năm 1985, hiện trú tại Thôn 1, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 03, con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến 09/02/2022. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn 1, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện bị cáo đang được tại ngoại.“*Có mặt*”.

3. Bị cáo Phùng Văn T, Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 8/9/1982, tại: Lâm Đồng. Đăng ký HKTT (Chỗ ở): TDP 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 11/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Phùng Minh Ngọc, sinh năm: 1955, con bà : Nguyễn Thị Bình, sinh năm: 1959. Vợ: Lâm Thị Hạnh, sinh năm 1989, hiện trú tại TDP 10, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự : Không. Về N thân: Ngày 24/2/2004, bị TAND tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến 09/02/2022.Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại TDP 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện bị cáo đang được tại ngoại.“*Có mặt*”.

4. Bị cáo Trần Xuân T1, Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/9/1992, tại: Lâm Đồng. Đăng ký HKTT (Chỗ ở): Thôn 4, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Trần Văn Ngà, sinh năm: 1958 (đã chết), con bà : Phạm Thị Hợi, sinh năm: 1959. Vợ: Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1994, hiện trú tại Thôn 4, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến 09/02/2022. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn 4, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện bị cáo đang được tại ngoại.“*Có mặt*”.

5. Bị cáo Cao Tiến N, Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/02/1985, tại: Lâm Đồng. Đăng ký HKTT (Chỗ ở): Thôn 3, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Cao Hữu Diếu, sinh năm: 1954, con bà: Hồ Thị Chiêm, sinh năm: 1956. Vợ: Nguyễn Thị Thân, sinh năm 1985, hiện trú tại Thôn 3, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự : Không. N thân: Ngày 17/8/2017 bị Công an huyện Đ xử phạt hành chính số tiền 1.000.000đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến 09/02/2022. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn 3, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện bị cáo đang được tại ngoại.“*Có mặt*”.

6. Bị cáo Bùi Thị Th, Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 27/5/1986, tại: Lâm Đồng. Đăng ký HKTT (Chỗ ở): Thôn 3, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Bùi Duy Thu, sinh năm: 1952, con bà: Hồ Thị Liễu, sinh năm: 1958. Chồng: Lê Chiêu Thảnh, sinh năm 1975, hiện trú tại Thôn 3, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến 09/02/2022. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn 3, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện bị cáo đang được tại ngoại.“*Có mặt*”.

* Người làm chứng:

Anh Trà Minh Ph, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố 5C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

“ Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 06/02/2022, Trần Hữu P cùng Đỗ Nhật P1 đến quán bida của ông Võ Văn Đạt trú tại Thôn 3, xã Triệu Hải, huyện Đ thì gặp Phùng Văn T, Trần Xuân T1 và Trà Minh Ph tại đó. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, P, P1, T và T1 rủ nhau sang nhà anh Lương Quý Tế *(anh Tế mua nhà nhưng chưa ở, không khóa cửa)* ở cạnh quán của ông Đạt để chơi đánh bài được thua bằng tiền. Khi qua đến phòng bếp nhà anh Tế thì thấy có 02 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu nhựa trải trên phòng bếp. P, P1, T và T1 thống nhất chơi bài bằng hình thức “Cào liêng” hay còn gọi là “Cào tố”, mỗi người tham gia chơi bài bỏ ra 100.000 đồng *(Một trăm ngàn đồng)* gọi là “tiền đi đường” thì được chia 01 tụ bài gồm 03 lá bài tú lơ khơ. Có 01 người cầm cái *(người thắng ván bài trước đó)* chia bài. Sau khi chia bài thì những người chơi xem bài và có quyền “tố” *(đặt cược)* thêm tiền. Người cầm cái có quyền tố trước, mỗi lần tố tối thiểu là 200.000 đồng, tối đa là 500.000 đồng. Sau đó lần lượt theo vòng về bên tay phải những người tham gia chơi có quyền “theo” *(chấp nhận đặt cược thêm số tiền mà người trước đã tố)* hoặc không “theo” hoặc “tố” thêm nữa. Người nào “theo” thì phải bỏ ra số tiền bằng những người trước “tố”, không “theo” *(bỏ đặt cược)* thì coi như thua ván bài đó. Cứ như vậy, khi không còn người nào “tố” nữa thì những người đã “tố” và “theo” ván bài đó mở bài lên so với nhau, ai lớn nhất thì thắng toàn bộ số tiền đặt cược trong ván bài đó. Nếu ván bài nào ai thắng số tiền lớn thì phải bỏ ra 100.000đồng để mua nước, thuốc cùng sử dụng khi đánh bạc. Riêng Trà Minh Ph không tham gia đánh bạc, mà chỉ ngồi xem. P, P1 T, T1 đánh bạc đến khoảng 17 giờ 00 phút thì Cao T N và khoảng 18 giờ 30 thì Bùi Thị Th cũng đến và cùng vào tham gia đánh bạc. Đến 19 giờ 00 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Đ bắt quả tang thu trên chiếu bạc số tiền 40.300.000 đồng *(Bốn mươi triệu, ba trăm ngàn đồng),* 02 bộ bài tú lơ khơ *(104 lá bài)* và 01 chiếc chiếu nhựa hoa văn Xanh – trắng, thu giữ trên người các đối tượng số tiền 40.780.000đồng (*Bốn mươi triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng)*.

Quá trình điều tra và kết quả lấy lời khai của Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1, Phùng Văn T, Trần Xuân T1, Cao T N, Bùi Thị Th xác định số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

Khi đi đến nhà ông Đạt, Trần Hữu P mang theo số tiền 16.240.000 đồng. Khi mới vào chơi bạc, P bỏ ra 5.000.000 đồng để trên chiếu sử dụng vào việc đánh bạc và đã thua hết. Lần 02, P lấy ra thêm 5.000.000 đồng nữa để trên chiếu dùng đánh bạc và cũng thua hết. Lần 03, P bỏ ra thêm 6.000.000 đồng nữa để trên chiếu dùng vào việc đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, P đang thắng được 20.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền đánh bạc P để trên chiếu bạc, khi lực lượng công an vào bắt quả tang thu giữ 240.000 đồng P cất giữ trong người. Theo P khai số tiền 240.000 đồng là tiền có mệnh giá nhỏ, P cất trong người, P không có ý định sử dụng vào việc đánh bạc.

Đỗ Nhật P1 mang theo số tiền 5.260.000 đồng, P1 bỏ ra 5.000.000 đồng tham tham gia chơi bạc, đặt trước mặt, trên chiếu bạc. Khi Công an vào bắt quả tang, P1 đã thắng được khoảng 7.700.000 đồng, tổng cộng là 12.700.000 đồng vẫn để trên chiếu bạc và đã bị lực lượng công an đã thu giữ. Ngoài ra lực lượng công an đã khám, thu giữ 260.000 đồng tiền lẻ P1 còn cất giữ trong người. Theo P1 khai số tiền 260.000 đồng tiền mệnh giá nhỏ, P1 cất trong người, không có ý định sử dụng vào việc đánh bạc.

Phùng Văn T mang theo số tiền 9.000.000 đồng. Lúc đầu T bỏ ra 4.000.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc và đã thua hết. T bỏ thêm 5.000.000 đồng trong người ra chiếu sử dụng vào việc đánh bạc. Thời điểm Công an vào bắt quả tang, T đang thua, chỉ còn 6.000.000 đồng, T đang định cất tiền vào túi để đi vệ sinh xong thì vào chơi tiếp thì bị bắt thu giữ 6.000.000 đồng T sử dụng vào việc đánh bạc, vừa bỏ vào túi.

Trần Xuân T1 mang theo 23.000.000 đồng. Khi mới vào chơi đánh bạc, T1 bỏ ra 4.000.000 đồng để trên chiếu sử dụng vào việc đánh bạc và đã thua hết. Lần 02 T1 lấy ra thêm 5.000.000 đồng nữa bỏ lên chiếu bạc để đánh bạc. Còn 14.000.000 đồng T1 vẫn để trong bóp chưa mang ra đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, T1 đang thua, chỉ còn khoảng 3.700.000 đồng để trước mặt trên chiếu bạc. Đồng thời khám người thu giữ trên người T1 số tiền 14.000.000 đồng. T1 khai nếu thua hết số tiền trên chiếu bạc, T1 sẽ lấy số tiền trong người ra tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc.

Cao T N mang theo số tiền 15.000.000 đồng. Khi tham gia đánh bạc N bỏ từ từ ra mỗi lần 1.000.000 đồng để trên chiếu để đánh bạc, khi thua hết thì bỏ ra thêm. Sau 04 lần bỏ ra 4.000.000 đồng thua hết, lần cuối cùng N định móc ra 3.000.000 đồng nữa, nhưng do loại tiền mệnh giá 500.000 đồng nên N đếm nhầm T 3.500.000 đồng để trên chiều bạc để đánh bạc. Khi công an vào bắt giữ N đã thua chỉ còn khoảng 600.000 đồng đang để trên chiếu bạc đồng thời khám người thu giữ trên

người N số tiền 7.500.000 đồng. N khai nếu thua hết số tiền trên chiếu bài, N sẽ lấy số tiền trong người ra tiếp tục sử dụng vào việc đánh bài.

Bùi Thị Th mang theo số tiền 11.650.000 đồng. Khi tham gia đánh bạc Th không bỏ tiền ra ngoài mà để trong bóp, mỗi lần tham gia đặt cược, Th móc tiền từ trong bóp ra. Thời điểm Công an bắt quả tang, Th mới tham gia đánh bạc được 2 ván, ván thứ nhất Th đặt tiền đi đường 100.000đồng, do bài thấp nên Th bỏ cược. Ván thứ hai, Th vừa đặt 100.000đ tiền đi đường, vừa chia bài xong thì bị lực lượng công an bắt quả tang, thu giữ trong người Th số tiền 11.450.000 đồng. Th thừa nhận số tiền trong bóp đang được Th sử dụng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo khai nhận, số tiền đã bỏ ra để mua thuốc, nước để sử dụng chung trong lúc đánh bạc khoảng 400.000đồng, trong tổng số tiền mang theo để đánh bạc.

Đối với Trà Minh Ph, quá trình điều tra xác định Ph không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì vậy, xác định tổng số tiền Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1, Phùng Văn T, Trần Xuân T1, Cao T N, Bùi Thị Th sử dụng để đánh bạc là **79.650.000** đồng *(Bảy mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSĐT–TA ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát N dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1, Phùng Văn T, Trần Xuân T1, Cao T N và Bùi Thị Th về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 2 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn T và Cao T N từ 09 *(chín)* đến 12 *(mười hai)* tháng tù. Hình phạt bổ sung phạt tiền mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Trần Hữu P, Trần Xuân T1 và Bùi Thị Th mỗi bị cáo từ 09 *(chín)* tháng đến 12 *(mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 *(mười tám)* tháng đến 24 *(hai mươi bốn)* tháng. Hình phạt bổ sung phạt tiền bị cáo Trần Hữu P, Trần Xuân T1 mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* đến 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước, phạt bổ sung phạt tiền bị cáo Bùi Thị Th từ 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* đến 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị Đỗ Nhật P1 từ 09 *(chín)* tháng đến 12 *(mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ

18 *(mười tám)* tháng đến 24 *(hai mươi bốn)* tháng. Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* đến 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước.

* Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Số tiền 40.300.000 đồng *(Bốn mươi triệu, ba trăm ngàn đồng)* thu giữ trên chiếu bạc, số tiền mặt 38.950.000 đồng *(Ba mươi tám triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng)* thu giữ trên người các bị cáo.

- 01 chiếc chiếu bằng nhựa, hoa văn xanh – trắng, 02 bộ bài tú lơ khơ *(104 lá bài)*.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Trần Hữu P số tiền 240.000 đồng, trả lại cho bị cáo Đỗ Nhật P1 số tiền mặt 260.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo nói lời sau cùng các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 06/02/2022, Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1, Phùng Văn T và Trần Xuân T1 rủ nhau sang ngôi nhà không có người ở của anh Lương Quý Tế *(anh Tế mua nhà nhưng chưa ở, không khóa cửa)* tại Thôn 3, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền, hình thức "Cào liêng", tiền đi đường là: 100.000 đồng, tiền tố tối thiểu là 200.000 đồng, tối đa là 500.000 đồng. Sau đó, Cao T N, Bùi Thị Th cũng lần lượt đến và cùng vào tham gia đánh bạc với P, P1 T T1. Đến 19 giờ 00 cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Đ bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 79.650.000 đồng *(Bảy mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tang vật thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1, Phùng Văn T, Trần Xuân T1,

Cao T N, Bùi Thị Th đã đủ yếu tố cấu T tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc trái phép mà các bị cáo đã cố ý thực hiện với động cơ sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền nhằm tước đoạt tiền bạc của nhau là hành vi vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội, Nhà nước nghiêm cấm tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới mọi hình thức. Tội phạm này là nguyên N dẫn đến mâu thuẫn gia đình và các loại tội phạm khác ngoài xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh tại địa P1. Trong vụ án này, các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm một cách tích cực, không có sự xúi giục và không có câu kết chặt chẽ vai trò của từng người, do đó đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, cùng cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã thực hiện. Xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với bị cáo Trần Hữu P mang theo số tiền 16.240.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Đỗ Nhật P1 mang theo số tiền 5.260.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Phùng Văn T mang theo số tiền 9.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Trần Xuân T1 mang theo 23.000.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Cao T N mang theo số tiền 15.000.000 đồng để đánh bạc và bị cáo Bùi Thị Th mang theo số tiền 11.650.000 đồng để đánh bạc.

Bị cáo Phùng Văn T, về N thân: Ngày 24/2/2004, bị TAND tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản, bị cáo Cao T, N thân: Ngày 17/8/2017 bị Công an huyện Đ xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự, cải tạo giáo dục các bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án và có xác nhận của cơ quan Công an nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1, Trần Xuân T1 và Bùi Thị Th, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án và có xác nhận của cơ quan Công an nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo P1 có bố ông Đỗ T1 Dũng là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, xét không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa P1 và gia

đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo T người hữu ích là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo có thu nhập do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung (là hình phạt tiền) đối với các bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng sau:

- 01 chiếc chiếu bằng nhựa, hoa văn xanh – trắng, 02 bộ bài tú lơ khơ *(104 lá bài)* đây là những vật chứng các bị cáo dùng làm công cụ phạm tôi, cần tích thu tiêu hủy là phù hợp điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền thu giữ khi bắt quả tang 40.300.000 đồng *(Bốn mươi triệu, ba trăm ngàn đồng)* thu giữ trên chiếu bạc, số tiền mặt 38.950.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo, đang được tạm gửi tại tài khoản tiền gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Xét thấy đây là số tiền thu trên chiếu bạc và tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Trần Hữu P số tiền 240.000 đồng, trả lại cho bị cáo Đỗ Nhật P1 số tiền mặt 260.000 đồng, là phù hợp khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1, Phùng Văn T, Trần Xuân T1, Cao T N và Bùi Thị Th phạm tội "*Đánh bạc*".

Hình phạt chính:

Áp dụng khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 09 *(chín)* tháng tù, nhưng được trừ 03 *(ba)* ngày bị tạm giữ (từ ngày 06/02/2022 đến 09/02/2022). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn N 11 *(mười một)* tháng tù, nhưng được trừ 03 *(ba)* ngày bị tạm giữ (từ ngày 06/02/2022 đến 09/02/2022). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành 10 *(mười)* tháng 27 *(hai mươi bảy)* ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu P 12 *(mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 *(hai mươi bốn)* tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân T1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 *(hai mươi bốn)* tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Th 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 *(mười tám)* tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Nhật P1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 *(mười tám)* tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1 và Bùi Thị Th cho UBND xã Triệu Hải, giao bị cáo Trần Xuân T1 cho Ủy ban N dân xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P1 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu P và bị cáo Trần Xuân T1 mỗi bị cáo số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Nhật P1 và bị cáo Bùi Thị Th mỗi bị cáo số tiền 25.000.000 đồng *(hai mươi lăm triệu đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn T và bị cáo Cao Văn N mỗi bị cáo số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: - 01 chiếc chiếu bằng nhựa, hoa văn xanh – trắng, 02 bộ bài tú lơ khơ *(104 lá bài).*

Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Trần Hữu P số tiền 240.000 đồng, trả lại cho bị cáo Đỗ Nhật P1 số tiền mặt 260.000 đồng, là phù hợp khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 40.300.000 đồng *(Bốn mươi triệu, ba trăm ngàn đồng)* thu giữ trên chiếu bạc, số tiền mặt 38.950.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo dùng để đánh bạc.

Hiện những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27/5/2022; Đối với số tiền 40.300.000 đồng *(Bốn mươi triệu, ba trăm ngàn đồng)*, số tiền mặt 38.950.000

đồng và số tiền 500.000 đồng. Tổng cộng 79.750.000 đồng (*bảy mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ số 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 27/5/2022.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Hữu P, Đỗ Nhật P1, Phùng Văn T, Trần Xuân T1, Cao T N và Bùi Thị Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án N dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Công an huyện Đ;*
- *Các bị cáo;*
- *Agribank chi nhánh Đ;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê T1 Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM N DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nông Văn Điển Nguyễn Thị Loan Lê T1 Dũng